

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 6

TUẦN 30 (từ 03/04/2023 đến 08/04/2023)

WEEK 27 30

PERIOD 85+86+87: UNIT 9: HOUSES IN THE FUTURE

LESSON 1

Lesson 1-1 (New words)

I. New words

No.	Word	Pronunciation	Type	Meaning
	A			
1.	sea	/ si: /	n	biển
2.	underground	/ ʌndə'graʊnd /	adv	ngầm, dưới hầm
3.	smart home	/ smɑ:rt həʊm /	n	nhà thông minh
4.	megacity	/ 'megəsi:ti /	n	siêu đô thị
5.	earthscraper	/ 'ɜ:rθ ,skreɪpə(r) /	n	nhà nhiều tầng dưới lòng đất
6.	eco-friendly	/ ,i:kəʊ 'frendli /	adj	thân thiện với môi trường
7.	environment	/ ɪn 'vaɪərənmənt /	n	môi trường
8.	smart technology	/ smɑ:t tek'nɒlədʒi /	n	công nghệ thông minh

I. Use the following words to write for each picture based on the definition. (Places & Things).

smart home
earthscraper



1. A very large city; a megalopolis.

→ _____

Under the sea
underground



2. A house which is built friendly to natural environment.

→ _____



3. Below the ground; below the surface of the Earth or means of transportation.

→ _____



4. A building that is built underground.

→ _____



5. A house with a computer to run it.

→ _____



6. Below the surface of the sea

→ _____

II. Write the correct form of the words in brackets.

1. Life in the city is really _____ from life in the country. (DIFFER)
2. In the future, many people will live under the sea; so _____ cities will become popular.
(WATER)
3. In some countries, people will live _____ in earthscrapers. (GROUND)
4. In the next 20 years, many people will live in _____ homes (FRIEND)
5. In the future, many people will live in _____ – cities with a population of over ten million people. (CITY)

UNIT 9: HOUSES IN THE FUTURE

LESSON 1.2 (GRAMMAR)

I/ Thì tương lai đơn (The future simple)

1. Cách dùng

- Chức năng 1** Dùng để diễn tả một hành động hay sự việc sẽ xảy ra trong tương lai.
- She'll be back at 6p.m tonight. (Tối nay cô ấy sẽ trở về vào lúc 6h.)
 - They will help me do this exercise. (Họ sẽ giúp tôi làm bài tập này.)
- Chức năng 2** Dùng để diễn tả một suy nghĩ, quyết định ngay lúc nói.
- I will drink water instead of milk. (Tôi sẽ uống nước thay cho sữa.)
 - I think I will teach here. (Tôi nghĩ tôi sẽ dạy ở đây.)
- Chức năng 3** Dùng để diễn tả một lời hứa.
- I promise I will come here tomorrow. (Tôi hứa tôi sẽ đến đây vào ngày mai.)
 - He promises he will study harder. (Anh ấy hứa sẽ học chăm chỉ hơn.)
- Chức năng 4** Dùng để diễn tả một lời đề nghị, gợi ý
- Will we go for a walk tonight? (Tối nay chúng ta sẽ đi dạo nhé?)
 - What will we do now? (Chúng ta sẽ làm gì bây giờ nhỉ?)

2. Dạng thức của thì tương lai đơn

a. Cấu trúc

Thể khẳng định			Thể phủ định		
I/You/We/They Danh từ số nhiều		+ will + V nguyên mẫu (will = 'll)	I/You/We/They Danh từ số nhiều		+ will not + V nguyên mẫu
He/She/It Danh từ số ít			He/She/It Danh từ số ít		
Ví dụ: I will visit Hue city. <i>(Tôi sẽ đến thăm Huế.)</i> She will be fourteen years old on her next birthday. <i>(Cô ấy sẽ 14 tuổi vào sinh nhật kế tiếp.).</i>			Ví dụ: I will not (won't) visit Hue city. <i>(Tôi sẽ không đến thăm Huế.)</i> Hung will not go camping next week. <i>(Tuần tới Hùng sẽ không đi cắm trại.)</i>		
Thể nghi vấn			Câu trả lời ngắn		
Will	I/You/We/They Danh từ số nhiều	+ V nguyên mẫu	Yes,	I/You/We/They Danh từ số nhiều	Will.
	He/She/It Danh từ số ít		No,	He/She/It Danh từ số ít	won't.
Ví dụ: Will you go to Ha Noi city next month? (Tháng sau cậu sẽ đi thành phố Hà Nội à?) ➔ Yes, I will./ No, I won't. - Will she meet her parents tonight? (Tối nay cô ấy sẽ gặp bố mẹ cô à?) Yes, she will./ No, she won't.					

b. Wh- question

Khi đặt câu hỏi có chứa Wh-word (từ để hỏi), ta đặt chúng ở vị trí đầu câu và đưa ra câu trả lời trực tiếp.

Wh- word + will + S + V-nguyên mẫu?

Ví dụ:

- Who will arrive next month?

→ I will have an English lesson.

→ My mother will.

- What will you do tomorrow?

3. Dấu hiệu nhận biết:

Thì tương lai có các dấu hiệu nhận biết như sau:

Trạng từ chỉ thời gian:	- Tonight = this night: tối nay - Tomorrow: Ngày mai - Next (day, week, month, year): ngày, tuần, tháng, năm sau. - Someday: Ngày nào đó - soon: sớm/ chẳng bao lâu - in the future/ in + future time: in 2050
Trong câu có các động từ như:	- I think - I promise (hứa), suppose (dự đoán), think, believe (tin tưởng)... - perhaps= probably (có lẽ, có thể)

II. Indefinite quantifiers - Từ chỉ số lượng bất định

1. Small quantities: a few/ some

A few:

+ Dùng trong câu khẳng định

+ Dùng với danh từ đếm được số nhiều

Ex: She enjoys her life here. She has **a few** friends and they meet quite often.

(Cô ấy thích cuộc sống ở đây. Cô ấy có một vài người bạn và họ gặp nhau rất thường xuyên).

Ở đây **a few friends** nói đến số lượng người bạn mà cô ấy có là một vài người chứ không phải ám chỉ cô ấy có ít bạn.

Some:

+ Dùng trong câu khẳng định

+ Dùng trước danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được

+ “Some” cũng được dùng trong câu hỏi

Ex: I have **some** friends (Tôi có mấy người bạn)

Would you like some orange juice?

2. Large quantities: many/ lots of/ a lot of

Many:

+ Thường dùng trong câu hỏi và câu phủ định, câu khẳng định được dùng ít hơn.

+ Đi với danh từ đếm được số nhiều

Ex: Do you have **many** cars? (Bạn có nhiều xe hơi không?)

A lot of/ lots of:

+ Được dùng trong câu khẳng định và câu nghi vấn

+ Đi với danh từ không đếm được và danh từ đếm được số nhiều

+ Thường mang nghĩa “informal”

We spent **a lot of** money (Chúng tôi đã tiêu rất nhiều tiền)

I have **lots of** things to do. (Tôi có nhiều việc để làm)

I. Circle the correct answer

1. Don't leave your keys on the table. You **will** / **won't** forget it.
2. Susan **will** / **won't** be very happy if she passes the exam.
3. Fra afraid I **will** / **won't** be able to come tomorrow.
4. I'm told you are ill. I hope you **will** / **won't** feel better again.
5. I'm sure you **will** / **won't** like that film. It's very frightening. Let's choose another one.
6. Turn on your laptop tonight We **will** / **won't** chat a little bit.
7. You needn't wear your cap. It **will** / **won't** be cold today.
8. I am really tired. I **will** / **won't** have a rest.

II. Make future simple questions.

1. _____ (people/ live) on the Moon someday?
2. What _____ (the cars/ look) like in 20 years?
3. _____ (robots/ replace) humans?
4. Where _____ (you/ be) in 2040?
5. When _____ (humans/ live) on other planets?
6. _____ (houses/ be) more environmentally friendly in the future?
7. _____ (computers/ take) over the world

III. Circle the correct answer.

1. There are (a few /a little) tigers at the zoo.
2. Let's talk to Jane. She has (few/ a few) friends.
- 3.(A few/ A little) students passed the exam because it was very difficult
- 4.We saw (much/ some) beautiful rivers when we went to Vietnam..
- 5.There are (a little/ some) expensive new flats next to the river.
- 6.There are a (few/many) shops near the university.

UNIT 9: HOUSES IN THE FUTURE

Lesson 1-3 (PRONUNCIATION)

I. Find the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

- | | | | |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. A. flashlights <u>s</u> | B. students <u>s</u> | C. books <u>s</u> | D. schools <u>s</u> |
| 2. A. stops <u>s</u> | B. showers <u>s</u> | C. cleans <u>s</u> | D. has <u>s</u> |
| 3. A. units <u>s</u> | B. topics <u>s</u> | C. parks <u>s</u> | D. ways <u>s</u> |
| 4. A. bins <u>s</u> | B. cups <u>s</u> | C. trees <u>s</u> | D. papers <u>s</u> |
| 5. A. machines <u>s</u> | B. devices <u>s</u> | C. drones <u>s</u> | D. companies <u>s</u> |
| 6. A. helps <u>s</u> | B. laughs <u>s</u> | C. cooks <u>s</u> | D. finds <u>s</u> |
| 7. A. phones <u>s</u> | B. streets <u>s</u> | C. books <u>s</u> | D. makes <u>s</u> |
| 8. A. nations <u>s</u> | B. speakers <u>s</u> | C. languages <u>s</u> | D. minds <u>s</u> |
| 9. A. works <u>s</u> | B. shops <u>s</u> | C. shifts <u>s</u> | D. plays <u>s</u> |
| 10. A. miles <u>s</u> | B. attends <u>s</u> | C. drifts <u>s</u> | D. glows <u>s</u> |

II. Practice the sentences then say it aloud.

Consonant /z/
1. My cou <u>s</u> in love <u>s</u> ro <u>s</u> es. /maɪ 'kʌzən lʌvz 'rouzɪz/
2. My hu <u>s</u> band i <u>s</u> at the <u>z</u> oo with our bo <u>y</u> s. /maɪ 'hʌzbənd ɪz æt ðə zu wið 'aʊər bɔɪz/
3. Dai <u>s</u> y didn't real <u>is</u> e that she wa <u>s</u> so la <u>z</u> y. /'deɪzi 'dɪdənt 'ri:laɪz ðæt ʃi wʌz soʊ 'lei:zi/

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 6

TUẦN 30 (từ 03/04/2023 đến 08/04/2023)

PHIẾU TỰ HỌC

PERIOD 85+86+87: UNIT 9: HOUSES IN THE FUTURE

LESSON 1

Sách giáo khoa trang 70:

New words

1. megacity
2. earthscraper
3. smart home
4. eco-friendly home

Listening

a. Listen to a student talking to their professor. Is the student excited about houses in the future?

Answer: Yes

b. Listen and write “Yes” or “No”.

1. Yes
2. Yes
3. Yes
4. No

Sách giáo khoa trang 71:

Grammar

b. Write sentences in Future Simple using the prompts:

1. Do you think lots of people will live in smart homes?
2. What do you think homes will be like?
3. I think a lot of people will live in megacities.
4. Do you think people will live in earthscraper?
5. I think some people will live in eco-friendly homes.
6. Where do you think people will live?

c. Write sentences using the survey notes:

2. Max thinks a few people will live in smart homes.
3. Jess thinks a lot of people will live under the sea.
4. My Mom and Dad think many people will live in megacities.
5. My Granpa thinks lots of people will live in the country

SỬA BÀI TẬP TUẦN 29

Lesson 3-1

II. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.

1. Hạ Long _____ is one of the UNESCO World Heritage Sites.
A. cave **B. bay** C. highlands D. waterfall
2. There are some really beautiful _____ in Nha Trang. I can swim there.
A. mountains **B. beaches** C. caves D. highlands
3. You can go swimming and _____ sandcastles at the beach.
A. swim B. drive **C. build** D. dive
4. You should go to Phú Quốc between November and April to miss the _____ season.
A. wet B. hot C. cold **D. rainy**
5. _____ people go to Phu Quoc for their vacations.
A. A little **B. Lots of** C. Much D. Any
6. You can go to Mộc Châu by train _____ bus.
A. **or** B. and C. with D. by
7. _____ should your friend visit for their next vacation ? – She should visit Đà Nẵng.
A. What B. How C. Who **D. Where**
8. Bali is one of the most beautiful islands in _____.
A. Japan **B. Indonesia** C. New Zealand D. Vietnam
9. You should spend your vacation _____ this beautiful place.
A. for B. on **C. in** D. at
10. People can enjoy beautiful beaches with _____.
A. golden sand **B. white sand** C. rain D. cycling

III. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the space in the following passage.

Phú Quốc is a wonderful place for a vacation. A lot of visitors go to Phú Quốc for (1)_____ vacations every year. You can enjoy the white sand (2)_____, take photos, and meet friendly local people. You can also go swimming, scuba (3)_____ and even snorkeling. Phú Quốc is one of the most beautiful islands of Viet Nam. You can go there (4)_____ boat or plane. You should go there between November (5)_____ April. It is also (6)_____ for its delicious seafood. If you get the chance, you should spend your vacation in this beautiful place.

- | | | | |
|----------------------|------------------|-----------------|---------------|
| 1. A. its | B. them | C. their | D. our |
| 2. A. beaches | B. mountains | C. waterfalls | D. rivers |
| 3. A. hiking | B. diving | C. rafting | D. climbing |
| 4. A. on | B. for | C. by | D. with |
| 5. A. or | B. but | C. so | D. and |
| 6. A. famous | B. known | C. boring | D. lovely |

Lesson 3-2

Use the correct form of the word given in each sentence.

- | | |
|--|----------|
| 1. People can enjoy ____ cycling ____ and scuba diving in Bali island. | (cycle) |
| 2. Ha Long Bay is one of ____ natural ____ wonders of Viet Nam. | (nature) |
| 3. The waterfalls in the park are ____ really ____ today. | (hike) |
| 4. We can go ____ fishing ____ in Cornwall because it has a lot of rivers. | (fish) |
| 5. There are many ____ visitors ____ going to Da Lat for their vacation every year. | (visit) |
| 6. ____ Highland ____ is an area with mountains and hills. | (high) |
| 7. Do you want to join our ____ camping ____ trip? | (camp) |
| 8. She sang the song "Love again" ____ beautifully ____. | (beauty) |
| 9. Phú Quốc and Lăng Cô are ____ famous ____ for their delicious seafood. | (fame) |

II. Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 27 and 28.

Dear Julian,

I'm so glad you are coming to Vietnam for your vacation. When you're here, we should travel to see some Vietnam's natural wonders such as Mộc Châu Highland and Cúc Phương National Park in the north of Vietnam. There are really pretty villages, huge forests, and amazing waterfalls. We can go to both places by train or bus. We should also go to Phú Quốc Island and Lăng Cô Bay. They have beautiful white sand beaches. We could go scuba diving, snorkeling and enjoy delicious seafood there. We can get to Phú Quốc by plane or boat.

See you soon,

Mai

A. True or False

- | | |
|--|--------------|
| 1. Mộc Châu Highland and Cúc Phương National Park are in the south of Vietnam. | <u>False</u> |
| 2. We can travel to Cúc Phương National Park by bus or train. | <u>True</u> |
| 3. If you love the beach, you can go to Phú Quốc Island or Lăng Cô Bay. | <u>True</u> |
| 4. It is not great to see the white sand beaches and eat seafood in Phú Quốc Island. | <u>False</u> |

B. Multiple choice

- | | |
|---|--|
| 5. Mai is _____ to hear that Jane is coming to Vietnam. | |
| A. sad B. bored C. happy D. unhappy | |
| 6. There are _____ in Mộc Châu Highland. | |
| A. beaches B. islands C. bays D. pretty villages | |

III. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences.

1. can/ go to / You/ by bus/ Mộc Châu Highland

→ **You can go to Mộc Châu Highland by bus.**

2. are coming/ to Viet Nam/ so glad/ I'm / you

→ **I'm glad you are coming to Viet Nam.**

3. should also/ go to/ we/ Phú Quốc island

→ **We should also go to Phú Quốc island.**

4. should/ go/ scuba diving/ we/ and/ snorkeling there.

→ **We should go scuba diving and snorkeling there.**

5. go to both/ can / we/ places/ bus/ train or

→ **We can go to both places by train or bus.**

IV. Rewrite each of the following sentences in another way.

1. Vietnam has some famous natural wonders.

→ There are **some famous natural wonders in Vietnam.**

2. There are some really pretty villages and huge forests in Moc Chau Highland.

→ Moc Chau Highland has **some really pretty villages and huge forests.**

3. The water is too dangerous, so we can't go kayaking here.

→ We can't **go kayaking here because the water is too dangerous.**

4. We shouldn't go hiking today because it is raining very hard.

→ It is **raining very hard so we shouldn't go hiking today.**

5. It's a good idea to bring some batteries when we go camping.

→ We should **bring some batteries when we go camping.**

6. It's not a good idea to go to Bali between October and March.

→ You shouldn't **go to Bali between October and March.**

Lesson 3-3

TEST-UNIT 8

I. Find the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

1. **A. wonders** B. comic books C. forests D. trips
2. **A. nearby** B. battery C. pretty D. thirty

II. Find the word that differs from the other three in the position of primary stress.

3. A. pillow B. towel C. forest **D. confirm**
4. A. dangerous B. natural C. beautiful **D. delicious**

III. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.

5. You should bring a _____. You'll be wet after going rafting.
A. towel B. tent C. pillow D. battery
6. We need to bring a _____ so we have somewhere to stay.
A. flashlight B. sleeping bag C. towel **D. tent**
7. We _____ take the bus. It's too slow. Let's go by train.
A. should **B. shouldn't** C. can D. can't
8. _____ is a place where people can put up a tent.
A. canyon B. hiking C. cave **D. campsite**
9. Ha Long _____ is one of the UNESCO World Heritage Sites.
A. Bay B. Island C. Forest D. Beach
10. I don't like going _____. I'm scared of traveling down a river in a thin boat.
A. hiking B. swimming C. trekking **D. kayaking**
11. Mont Blanc is a very high _____ in Europe. It's 4,809 meters above sea level.
A. mountain B. canyon C. highland D. forest
12. You should visit Pongour _____ in Lâm Đồng. It's wonderful to see water fall from a high place.
A. cave **B. waterfall** C. beach D. island
13. You need to bring a _____ so you don't get cold at night.
A. sleeping bag B. battery C. pillows D. soap
14. A: Should we bring some snacks to eat?
B: _____
A. Yes, I did. **B. Yes, good idea.**
C. Yes, you need. D. I don't have.

IV. Read the signs and choose the best answer.

15. What does the sign say?	 NO DIVING	A. Don't swim in this area. B. You should go diving in this area. C. You can't go diving in this area. D. You shouldn't swim in this area.
-----------------------------	---	--

16. What does the sign say?		A. You can find a campsite here. B. You can go camping here. C. This area is not a campsite. D. You need to bring your tent.
-----------------------------	---	--

TEST-UNIT 8

V. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the space in the following passage.

Bali is a _____(17) place for a vacation.

A lot of visitors go to Bali for their vacations every year. You can enjoy the white sand beaches, take photos, and meet friendly local people. You can also go on cycling tours, scuba diving, and even snorkeling. Bali is one of the most beautiful islands in _____(18). You can go there _____(19) boat or plane. You _____(20) not go there between October and March because it is very rainy. Between April and October are the _____(21) times to visit Bali, during the dry season. You can also go to the International Film Festival in Bali every September. If you get the chance, you should _____(22) your vacation in this beautiful place.

- | | | | |
|--------------------|---------------------|------------------|--------------|
| 17. A. wonder | B. wonderful | C. wonderfully | D. wonders |
| 18. A. Malaysia | B. Indonesia | C. Vietnam | D. Japan |
| 19. A. in | B. on | C. at | D. by |
| 20. A. can't | B. can | C. should | D. shouldn't |
| 21. A. best | B. most | C. worst | D. good |
| 22. A. make | B. spend | C. do | D. buy |

VI. Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 27 and 28.

Dear Megan,

I'm so happy to know that you are coming to Vietnam for your vacation. When you're here, you should visit Hạ Long Bay. It is in the north of Vietnam and one of the UNESCO World Heritage Sites. Hạ Long Bay is special because it has over 1600 limestone islands with wonderful ocean views. You can take an overnight cruise trip or go kayaking there. Another place you shouldn't miss visiting is Sơn Đoòng Cave – one of the most famous caves in the world. It is really big and it has its own river and a forest inside – like a fantasy world. You can also go on a trek tour around Phong Nha – Kẻ Bàng National Park. This place is home to tigers, elephants and 300 species of birds. The best time to go is from October to December, when the weather is really nice.

See you soon,

Nhung

- | | |
|---|----------------------|
| 23. Ha Long Bay is in the south of Vietnam. | ___ False ___ |
| 24. Ha Long Bay has over 1600 limestone islands. | ___ True ___ |
| 25. You can't take an overnight cruise trip in Ha Long Bay. | ___ False ___ |
| 26. Son Doong Cave is in Quang Binh. | ___ True ___ |

27. The best time to go to Phong Nha – Kẻ Bàng National Park is _____

- | | | | |
|------------|-------------|-------------|---------------------------|
| A. October | B. November | C. December | D. All are correct |
|------------|-------------|-------------|---------------------------|

28. You can go on a trek tour in _____

- A. Ha Long Bay B. Son Doong Cave **C. Phong Nha – Ke Bang** D. All are correct

VII. Use the correct form of the word given in each sentence.

29. You should bring ____ **BOTTLED** ____ water so you don't get thirsty. (BOTTLE)
30. You should visit *Bản Giốc*; it's an ____ **AMAZING** ____ waterfall in the north of Vietnam. (AMAZE)
31. Last year, we went ____ **RAFTING** ____ on the Colorado River; it was wonderful. (RAFT)
32. You shouldn't go hiking today. It's raining hard, so it's very ____ **DANGEROUS** _____. (DANGER)
33. There are many ____ **LOVELY** ____ rivers and lakes in Cornwall. (LOVE)
34. Visitors can enjoy the ____ **NATURAL** ____ beauty of *Mộc Châu* Highland. (NATURE)

VIII. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences.

35. its/ for/ wonderful/ Lăng Cô Bay/ is/ beaches/ famous /./

→ Lang Co **Bay is famous for its wonderful beaches.**

36. We/ stay/ the/ campsite/ can/ at/ river/ the/ by/./

→ We **can stay at the campsite by the river.**

IX. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it.

37. We need to bring flashlights to see at night.

→ We need to bring flashlights so **we can see at night.**

38. It's not a good idea to go diving alone because it's quite dangerous.

→ You **shouldn't go diving alone because it's quite dangerous.**

39. It's necessary for you to drink plenty of water when you're out in the sun all day.

→ You **need to drink plenty of water when you're out in the sun all day.**

40. It's a good idea to have a guidebook before you visit a city.

→ You **should have a guidebook before you visit a city.**

MÔN MỸ THUẬT LỚP 6
(Từ ngày 27/03/2023 đến ngày 08/04/2023)

CHỦ ĐỀ 4: NGHỆ THUẬT CỔ ĐẠI THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM
BÀI 3: THẨM TRANG TRÍ VỚI HOA TIẾT TRỒNG ĐỒNG (2 Tiết)

Tiết 1: Lý thuyết-từ ngày 27/03/2023 đến 01/04/2023.

Tiết 2: Thực hành-từ ngày 03/04/2023 đến 08/04/2023-các em không ghi lại phần lý thuyết, chỉ tập trung phần thực hành để hoàn thành bài vẽ.

A-LÝ THUYẾT

I/ KHÁM PHÁ CÁCH TRANG TRÍ THẨM:

Tham khảo SGK Mỹ Thuật 6/trang 55.

II/ CÁCH TRANG TRÍ THẨM HÌNH VUÔNG:

Quan sát hình và nêu cách trang trí thẩm theo nguyên lí lặp lại và cân bằng:

1. Xác định kích thước hình vuông và kẻ các đường trục để tạo những mảng đối xứng qua tâm.
2. Xác định các mảng và vị trí đặt hoa tiết.
3. Vẽ hoa tiết cho một góc vuông rồi can hình vào các mảng theo vị trí đã xác định.
4. Vẽ thêm chi tiết tạo nhịp điệu trong bố cục thẩm hình vuông.
5. Vẽ màu tạo hoà sắc, đậm nhạt cho hình trang trí.

III/ TRANG TRÍ THẨM VỚI HOA TIẾT TRỒNG ĐỒNG:

- Hình dung công dụng, chất liệu của tấm thẩm sẽ trang trí.
- Chọn hoa tiết yêu thích trên trồng đồng để trang trí thẩm.
- Thực hiện trang trí thẩm theo ý thích.

IV/ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM VÀ CHIA SẺ:

V/ TÌM HIỂU CÁC DẠNG THỨC TRANG TRÍ CÂN BẰNG VÀ ĐỐI XỨNG TRONG CUỘC SỐNG:

Tham khảo SGK Mỹ Thuật 6/trang 58

B-BÀI TẬP

EM HÃY TRANG TRÍ MỘT THẨM HÌNH VUÔNG VỚI HOA TIẾT TRỒNG ĐỒNG.

Mọi thắc mắc PHHS và HS liên hệ: -GVBM Bùi Hoàng Phương 0383871263

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC – MỸ THUẬT

MÔN ÂM NHẠC - KHỐI 6

(Từ ngày 3/4/2023 đến ngày 8/4/2023)

Chủ đề 7: “GIAI ĐIỆU NĂM CHÂU”

Tiết 28: Học hát “KỈ NIỆM XƯA”

A. LÝ THUYẾT

I. Giới thiệu bài:

- Giới thiệu về nước Scotland (*HS có thể tìm thêm tư liệu trên internet*)

II. Học hát

- Tìm hiểu bài hát: nhịp, kí hiệu âm nhạc.
- Bài hát gồm 1 đoạn với 4 câu hát.
- Nội dung bài:

KỈ NIỆM XƯA
(Auld lang syne)

Nhạc Scotland
Phỏng dịch: Tổ Mai, Mai Hồng

Vừa phải, tha thiết



Bạn ơi ta vui đến đây, cùng nhau sum vầy rồi mai xa cách. Hãy
luôn nhớ những ngày qua, cùng nhau hát mừng ta vui gặp nhau. Đến
đây chung vui hoà ca, kỉ niệm khó quên dù rồi xa cách. Hãy
luôn nhớ những ngày qua, dù mai có ngày ta không gặp nhau.

Tìm hiểu bài hát

Thế giới âm nhạc vô cùng phong phú, mỗi quốc gia, dân tộc đều có nền âm nhạc đặc sắc của riêng mình. *Kỉ niệm xưa (Auld lang syne)* là bài hát có nguồn gốc từ Scotland. Với nhịp điệu mang tính nhảy múa, uyển chuyển, giai điệu rất phù hợp với cách hát tập thể, *Kỉ niệm xưa* được nhiều nước trên thế giới sử dụng để hát trong những dịp chia tay năm cũ, kết thúc năm học, trong các dịp hội hè,... Bài hát gồm một đoạn nhạc với 4 câu hát: câu 1 từ "*Bạn ơi...*", câu 2 từ "*Hãy luôn...*", câu 3 từ "*Đến đây...*", câu 4 từ "*Hãy luôn...*".

B. BÀI TẬP

- Hát kết hợp vận động theo nhạc với động tác phù hợp nội dung, tính chất bài hát.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Mai Trâm SĐT: 0909635678

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN, KHỐI 6

.....

TUẦN 30 - BÀI 8: NHỮNG GÓC NHÌN CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

Bước 1: Xác định đề tài, thời gian và không gian nói

Đề tài bài nói đã được chuẩn bị trong phần Viết.

- Mục đích của bài nói: thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Chuẩn bị thêm các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ

- Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và chuẩn bị câu trả lời

- Tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ

- Nêu rõ ý kiến, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục:

+ Nêu ý kiến một cách trực tiếp

+ Đảm bảo các lí lẽ có đủ cơ sở và kết luận, sắp xếp các lí lẽ theo một trình tự hợp lí

+ Một bằng chứng thuyết phục cần cụ thể, tiêu biểu, xác thực và liên kết chặt chẽ với lí lẽ.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

- Lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói, sử dụng những từ nói để phần trình bày mạch lạc, rõ ràng

- Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết hấp dẫn

- Khẳng định trực tiếp, rõ ràng ý kiến của bản thân về vấn đề cần trình bày

- Dựa vào phần tóm tắt ý, trình bày từ khái quát đến cụ thể, sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với bài nói

- Tương tác với người nghe

Bước 4: Trao đổi và đánh giá

- Chuẩn bị một tâm thế tích cực

- Hiểu đúng ý kiến phản bác của người nghe

.....

ÔN TẬP

1. Tìm hiểu về văn nghị luận và trình bày đặc điểm.

Văn nghị luận là kiểu văn bản nhằm thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề. Trong bài văn nghị luận, người viết trình bày ý kiến về một vấn đề mà mình quan tâm, sử dụng lí lẽ, bằng chứng để củng cố cho ý kiến của mình.

*Đặc điểm của kiểu văn nghị luận

- Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết.

- Bằng chứng (dẫn chứng): những minh chứng làm cho lí lẽ, có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu thực tế,...

2. Những lưu ý khi làm bài văn nghị luận.

Khi viết văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, ta cần chú ý đến lí lẽ và bằng chứng. Các lí lẽ đưa ra phải phù hợp, có sức thuyết phục đối với người đọc. Đặc biệt là phải đưa ra bằng chứng cho các lí lẽ của mình thêm thuyết phục, không thể nói lí lẽ suông.

3. Nội dung các văn bản đã học

Tác phẩm	Ý kiến	Lí lẽ và bằng chứng
Học thầy, học bạn	Ý kiến 1: Học từ thầy là quan trọng Ý kiến 2: Học từ bạn cũng rất cần thiết.	- Lí lẽ: Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết điều gì thì khó làm nên một việc gì xứng đáng. - Bằng chứng: danh họa Lê-ô-rơ-đô Đa Vin-chi nổi tiếng thế giới nếu không có sự dẫn dắt của thầy Ve-róc-chi-ô - Lí lẽ: Học những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp của mình. - Bằng chứng: đưa ra những lợi ích của việc học từ những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí.
Bản về nhân vật Thánh Gióng	Ý kiến 1: Thánh Gióng là một nhân vật phi thường. Ý kiến 2: Thánh Gióng cũng mang những nét bình thường của con người trần thế.	Lí lẽ 1: Sự phi thường của nhân vật Gióng thể hiện qua những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng. Lí lẽ 2: Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí Lí lẽ 1: Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định. Lí lẽ 2: Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị.

Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?	Ý kiến 1: Hạnh phúc là sự ngọt ngào	Lí lẽ 1.1: Ngọt ngào mang đến cho con người sự thoải mái, sự bình yên nên hẳn nhiên đó là hạnh phúc. Bằng chứng 1.1: Một cử chỉ quan tâm, yêu thương, một lời hỏi han ngọt ngào của cha mẹ dành cho con, của bạn bè dành cho nhau cũng đủ khiến người ta cảm thấy vui vẻ và ấm lòng. Lí lẽ 1.2: Một cuộc sống giàu có, sung túc, đủ đầy giúp cho con người có thể làm điều mình thích mà không bị giới hạn bởi bất kì điều gì, điều ấy cũng làm cho cuộc sống thêm phần hạnh phúc, tươi đẹp. Bằng chứng 1.2: Tỉ phú Bill Gates đã dành 45,68% tài sản của mình để thành lập quỹ từ thiện để giải quyết các vấn đề về sức khoẻ và nghèo đói toàn cầu. Lí lẽ 2.1: Một người mẹ sinh con, dù đau đến thế nào vẫn chỉ cảm thấy vui sướng, hạnh phúc. Bằng chứng 2.1: Lần mẹ đau đón nhất, khi sinh con. Nhìn thấy con lúc ấy, mẹ mới hiểu được giá trị thực sự của hạnh phúc. Ý kiến 2: Hạnh phúc còn được tạo nên bởi những vất vả, mệt nhọc, nỗi đau Lí lẽ 2.2: Một người không may mắc những bệnh tật nguy hiểm, họ vẫn có thể cảm thấy hạnh phúc. Bằng chứng 2.2: Võ Thị Ngọc Nữ, dù đang ở trong độ tuổi của những ước mơ, của những hoài bão.
--	--	--

MÔN CÔNG NGHỆ 6
GV: Hàng Thị Phương ĐT 0907716266

Nội dung ghi bài

CHỦ ĐỀ: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH
BÀI 9: SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH (tt)

2.Đèn Led:

a. Cấu tạo và thông số kỹ thuật:

- Vỏ đèn: bảo vệ bảng mạch LED, bộ nguồn và cách điện, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.
- Bộ nguồn: Biến đổi điện áp nguồn điện cho phù hợp với điện áp sử dụng của đèn LED.
- Bảng mạch LED: phát ra ánh sáng khi cấp điện

* Thông số kỹ thuật: là số W .

b.Nguyên lý hoạt động

Khi cấp điện cho đèn LED, bộ nguồn trong đèn sẽ biến đổi nguồn điện cung cấp phù hợp với điện áp sử dụng của đèn và truyền dòng điện đèn bảng mạch Led, làm đèn sáng lên.

c.Lưu ý khi sử dụng đèn LED

- Không đặt đèn trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời hoặc những nơi có nhiệt độ cao, ẩm ướt.
- Không đặt đèn gần những chất dễ gây cháy nổ.
- Vệ sinh đèn bằng vải khô, sạch.

Luyện tập :

1. Quan sát hình ảnh do giáo viên cung cấp, học sinh đưa ra ý kiến loại rau quả nào không nên bảo quản trong tủ lạnh



Củ hành tây



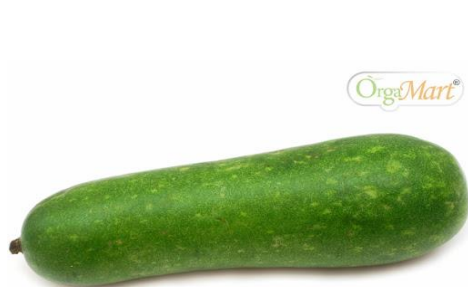
Củ tỏi



Bí đỏ



Táo



Bí xanh



Su Su



Khoai lang



Khoai mỡ

- Các rau củ quả không nên bảo quản trong tủ lạnh là :

2. Sinh dựa vào các chi tiết trong bảng câu hỏi để lựa chọn phương pháp bảo quản thực phẩm

STT	CÂU HỎI	Nên	Không	Giải thích vì
-----	---------	-----	-------	---------------

			nên	sao
1	Loại bỏ phần hư hỏng, dập nát trước khi cho vào tủ lạnh			
2	Nên rửa rau củ trước khi cho vào tủ lạnh			
3	Bảo quản riêng rau củ và trái cây			
4	Cắt nhỏ rau củ trước khi cho vào tủ lạnh			
5	Sử dụng túi, hộp nhựa chuyên dụng để đựng rau củ			
6	Lưu ý thời gian bảo quản			

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ: KHTN

MÔN KHTN KHỐI 6

(Từ ngày 03/4/2023 đến ngày 08/4/2023)

BÀI 40: LỰC MA SÁT

A. LÝ THUYẾT:

I. LỰC MA SÁT

1. Khái niệm lực ma sát

Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật.

Ví dụ:

Khi trượt từ trên cầu trượt xuống đất, giữa lưng ta và mặt cầu trượt có lực ma sát.

2. Lực ma sát trượt

Lực ma sát trượt xuất hiện khi một vật trượt trên bề mặt của một vật khác.

Ví dụ:

Khi giáo viên viết phấn lên bảng, giữa viên phấn và bảng xuất hiện lực ma sát trượt.

3. Lực ma sát nghỉ

Lực ma sát nghỉ xuất hiện ngăn cản sự chuyển động của một vật khi nó tiếp xúc với bề mặt của một vật khác và có xu hướng chuyển động trên đó.

Ví dụ:

Ô tô đậu được trên mặt đường nghiêng là nhờ có ma sát nghỉ.

4. Tác dụng và ảnh hưởng của lực ma sát

- Lực ma sát có thể thúc đẩy hoặc cản trở chuyển động của các vật.

Ví dụ:

Rãnh, gai trên vỏ lốp xe giúp tăng ma sát giữa bánh xe và mặt đường khiến xe chuyển động dễ dàng hơn về phía trước. Trong trường hợp này, lực ma sát làm thúc đẩy chuyển động của xe.

II. LỰC CẢN CỦA KHÔNG KHÍ

Khi vật chuyển động trong không khí sẽ có lực cản của không khí tác dụng lên vật.

B. BÀI TẬP:

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Lực ma sát xuất hiện ở:

- A. Bề mặt tiếp xúc giữa hai vật và cản trở chuyển động của vật.
- B. Trên bề mặt vật và cản trở chuyển động của vật.
- C. Bề mặt tiếp xúc giữa hai vật và thúc đẩy chuyển động của vật.
- D. Trên bề mặt vật và thúc đẩy chuyển động của vật.

Câu 2: Chọn phát biểu đúng. Lực ma sát nghỉ xuất hiện khi nào?

- A. Chiếc ô tô đang đứng yên ở mặt đường dốc nghiêng
- B. Quả bóng lăn trên sân bóng
- C. Vận động viên đang trượt trên tuyết
- D. Xe đạp đang đi trên đường

Câu 3: Lực xuất hiện trong trường hợp nào sau đây là lực ma sát lăn?

- A. Một chiếc ô tô đang đi trên đường.
- B. Máy bay đang bay trên bầu trời.
- C. Lực giữa má phanh và vành xe khi phanh.
- D. Quyển sách nằm yên trên mặt bàn nằm ngang.

Câu 4: Lực xuất hiện trong trường hợp nào sau đây **không** phải là lực ma sát?

- A. Lực xuất hiện khi em bé trượt cầu trượt.
- B. Lực xuất hiện khi quả táo rơi xuống mặt đất.
- C. Lực xuất hiện khi hòn bi lăn trên mặt bàn.
- D. Lực làm cho lốp xe bị mòn.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Lực ma sát trong các hiện tượng sau đây có lợi hay có hại? Giải thích.

- a. Ô tô đi vào bùn dễ bị sa lầy.
- b. Khi đi trên sàn nhà đá hoa mới lau dễ bị ngã.

Câu 2: Tại sao ô tô vận tải phải có khía sâu hơn lốp xe đạp?

Câu 3: Dựa vào ứng dụng của lực ma sát hãy giải thích:

- a. Vì sao cán dao, chổi không để nhọn bóng?
- b. Người ta thường tra dầu mỡ vào các ổ trục xe đạp, ổ khóa và thay dầu xe máy định kì.

❖ **DẶN DÒ**

- Chép phần lý thuyết. (A)
- Làm bài tập (B)
- Chuẩn bị bài học tiếp theo.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

- | | | |
|---|------------------|------------------------|
| - | Thầy Hiền | SĐT: 0937013009 |
| - | Cô Oanh | SĐT: 0374560523 |
| - | Thầy Hưng | SĐT: 0937101969 |
| - | Cô Y | SĐT: 0389928322 |
| - | Cô Hạnh | SĐT: 0325900096 |

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ KHỐI 6

(Từ ngày 3/4/2023 đến 08/4/2023)

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

BÀI 18. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

A. LÝ THUYẾT

I. Các đại dương trên Trái Đất

- Biển là một bộ phận có những đặc điểm riêng (độ muối, nhiệt độ...) khác với vùng nước của đại dương bao quanh.
- Đại dương chiếm 71% diện tích bề mặt Trái Đất. Trên thế giới có 4 đại dương:

Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

II. Nhiệt độ, độ muối của biển và đại dương

- Nhiệt độ trung bình của nước biển và đại dương là $17,5^{\circ}\text{C}$. Tuy nhiên nhiệt độ sẽ thay đổi phụ thuộc vào vị trí địa lí, điều kiện khí hậu và một số điều kiện tự nhiên khác.
- Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là 35‰. Có sự khác nhau về độ muối của các biển và đại dương. Độ muối của các biển và đại dương không giống nhau tùy thuộc vào nguồn nước sông đổ vào nhiều hay ít và độ bốc hơi lớn hay nhỏ.

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

- Ghi bài 18 vào vở và học bài.
- Làm bài tập phần luyện tập và vận dụng.

- Đọc trước và trả lời các câu hỏi cuối bài 18.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

- GVBM: Lê Thanh Tuyền

SĐT: 0981979190

- GVBM: Nguyễn Thị Mỹ Lệ

SĐT: 0933156546

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: GDCD

MÔN GDCD. KHỐI 6

TUẦN 28, 29 : TỪ NGÀY 3/4/2022 ĐẾN NGÀY 15/4/2022

**BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM
(2 TIẾT)**

NHIỆM VỤ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH:

1. Khởi động

Em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi:



- Dựa vào trang phục các hình ảnh trên, em hãy xác định tên dân tộc Việt Nam?
- Theo em, công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau trên đất nước ta có quyền và nghĩa vụ như nhau không?

Trả lời:

Tên dân tộc Việt Nam:

1. Kinh

2. Mừng

3. Thái

4. Tày

5. Ê Đê

6. Khơ Me

Theo em, công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau trên đất nước ta có quyền và nghĩa vụ như nhau, bởi vì đã là công dân Việt Nam thì sẽ có quyền và nghĩa vụ như nhau.

2. Khám phá

- Theo em chị Thanh đã thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản nào của công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- Em hiểu thế nào là quyền cơ bản, thế nào là nghĩa vụ của công dân?

- Em hãy quan sát các hình sau và trả lời câu hỏi:



+ Những hình ảnh trên đề cập đến quyền nào của công dân?

+ Hãy thảo luận với bạn về nội dung một số quyền và nghĩa vụ khác của công dân mà em biết?

Trả lời:

- Theo em chị Thanh đã thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Quyền cơ bản, nghĩa vụ của công dân là:

+ Quyền cơ bản của công dân là lợi ích cơ bản mà người công dân được hưởng và được luật pháp bảo vệ.

+ Nghĩa vụ công dân là yêu cầu bắt buộc của nhà nước mà công dân phải thực hiện nhằm đáp ứng lợi ích của nhà nước và xã hội theo quy định pháp luật.

- Những hình ảnh trên đề cập đến quyền của công dân:

+ Hình 1: Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.

+ Hình 2: Quyền được bảo vệ

+ Hình 3: Quyền được bầu cử.

+ Hình 4: Quyền riêng tư.

- **Một số quyền và nghĩa vụ khác của công dân mà em biết:**

1. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

2. Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu.

Điều 36

1. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

2. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

Điều 37

1. Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.

2. Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.

3. Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 38

1. Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.

2. Nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng.

3. Luyện tập

- Em đồng ý với ý kiến nhóm bạn nào trong tình huống dưới đây? Vì sao?

Khi tìm hiểu về quyền và nghĩa vụ của công dân, lớp 6A có những ý kiến tranh luận trái ngược nhau. Nhóm bạn H cho rằng: "Quyền và nghĩa vụ của công dân luôn đi liền với nhau, không tách rời nhau. Mọi công dân muốn được hưởng quyền thì phải thực hiện nghĩa vụ công dân." Còn nhóm của bạn A lại cho rằng: "Mọi công dân đều được hưởng quyền nhưng chỉ có người lớn mới cần thực hiện nghĩa vụ, học sinh còn nhỏ nên chưa phải thực hiện nghĩa vụ."

- Em hãy chọn và xử lí 1 trong số các tình huống sau:

Tình huống 1:

Trong giờ ra chơi, em và bạn Nam nhặt được một quyển sổ lưu bút của một bạn nào đó đánh rơi. Nam rất tò mò, muốn mở ra xem trong đó viết gì.

+ Em sẽ ứng xử như thế nào trong các trường hợp này?

+ Tình huống trên liên quan đến quyền nào của công dân?

Tình huống 2:

Trong mùa dịch Covid-19 năm 2020, một số người đưa thông tin không đúng sự thật lên mạng xã hội.

+ Theo em các cá nhân trên đã có những hành vi nào chưa phù hợp với quyền của công dân?

+ Nếu bạn em có hành vi như thế thì em sẽ ứng xử như thế nào?

Trả lời:

- Em đồng ý với ý kiến nhóm bạn H trong tình huống dưới đây. Vì quyền và nghĩa vụ luôn đi liền với nhau góp phần hình thành trách nhiệm của mỗi người công dân Việt nam.

- Em sẽ ứng xử trong các trường hợp:

Tình huống 1: em sẽ khuyên Nam trả lại cho người ta, không nên mở ra xem vì như vậy sẽ vi phạm quyền riêng tư.

Tình huống trên liên quan đến quyền riêng tư của công dân

Tình huống 2: Theo em, các cá nhân trên đã có những hành vi sai trái về quyền tự do ngôn luận của công dân Việt Nam.

Nếu bạn em có hành vi như thế thì em sẽ khuyên bạn nên đính chính lại thông tin và xin lỗi mọi người.

4. Vận dụng

- Em hãy quan sát xung quanh em ở để tìm xem quyền cơ bản của công dân được thực hiện chưa?

- Em hãy tự đánh giá hành vi bảo vệ môi trường của bản thân trong một tháng qua. Em sẽ làm gì để khuyến khích, động viên bạn cùng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường?

- Em hãy thiết kế sản phẩm thể hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và thuyết minh sản phẩm làm được?

Trả lời:

- Em hãy quan sát xung quanh em ở để tìm xem quyền cơ bản của công dân được thực hiện chưa (em hãy quan sát nơi em đang ở)

- Bản thân em đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ môi trường, biểu hiện là:

+ Vứt rác đúng nơi quy định.

+ Sử dụng tiết kiệm nước, điện.

+ Tham gia các buổi dọn vệ sinh đường làng, trường lớp.

Em sẽ tuyên truyền cho mọi người xung quanh về vai trò và thực trạng của môi trường hiện nay, từ đó đưa ra lời khuyên đến mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường sạch đẹp.

- Em hãy thiết kế sản phẩm thể hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và thuyết minh sản phẩm làm được.

Gợi ý: Sản phẩm có thể dưới các hình thức như: vẽ tranh, sáng tác thơ, viết bài, làm khẩu hiệu.

NỘI DUNG GHI BÀI:

BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM (2 TIẾT)

I. Khởi động

II. Khám phá

1. Quyền cơ bản của công dân là lợi ích cơ bản mà người công dân được hưởng và được luật pháp bảo vệ.

2. Nghĩa vụ công dân là yêu cầu bắt buộc của nhà nước mà công dân phải thực hiện nhằm đáp ứng lợi ích của nhà nước và xã hội theo quy định pháp luật.

3. Công dân Việt Nam có quyền và phải thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo vệ và bảo đảm việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

4. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định:

+ Công dân Việt Nam đều được hưởng các quyền cơ bản như: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, quyền bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, Quyền bình đẳng, Quyền tự do ngôn luận, Quyền tự do đi lại, Quyền tự do kinh doanh...

+ Công dân Việt Nam cần thực hiện các quyền cơ bản: Trung thành với Tổ quốc, tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ môi trường, nộp thuế đầy đủ...

III. Luyện tập: Xử lý các tình huống trong sgk

IV. Vận dụng:

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

Cô Dung SĐT: 0976208153

MÔN TIN HỌC - KHỐI 6

(Từ ngày 03/04/2023 đến ngày 08/04/2023)

LÝ THUYẾT

CHỦ ĐỀ E: ỨNG DỤNG TIN HỌC

BÀI 8. DỰ ÁN NHỎ: LỢI ÍCH CỦA SƠ ĐỒ TƯ DUY

1. Yêu cầu chung

❖ **Các bước hoàn thành 1 dự án**

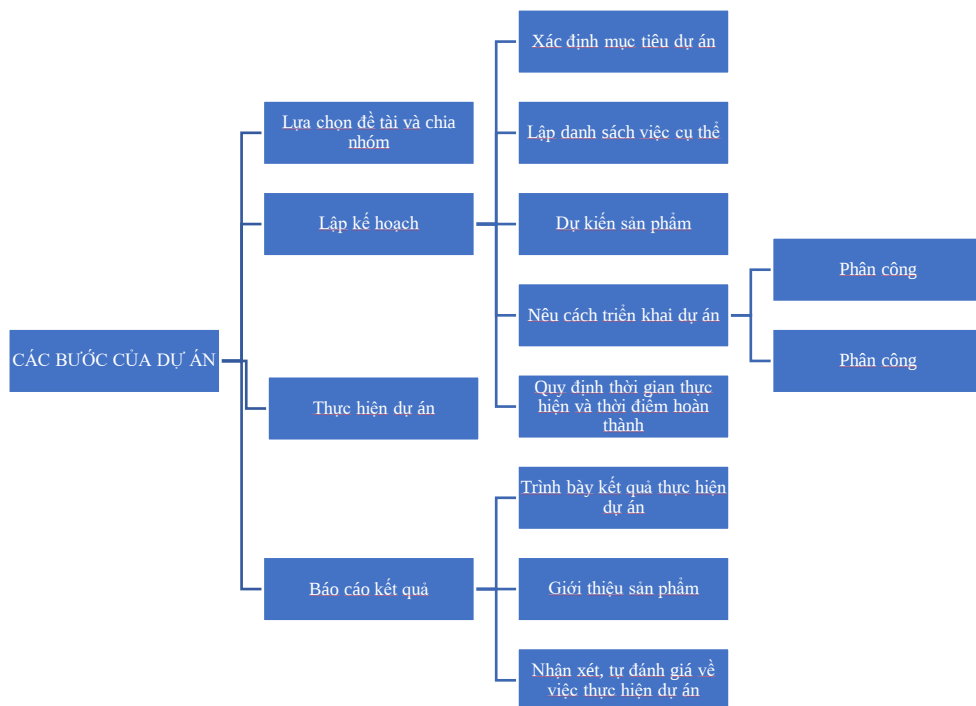
Bước 1: Lựa chọn đề tài và chia nhóm

Bước 2: Lập kế hoạch

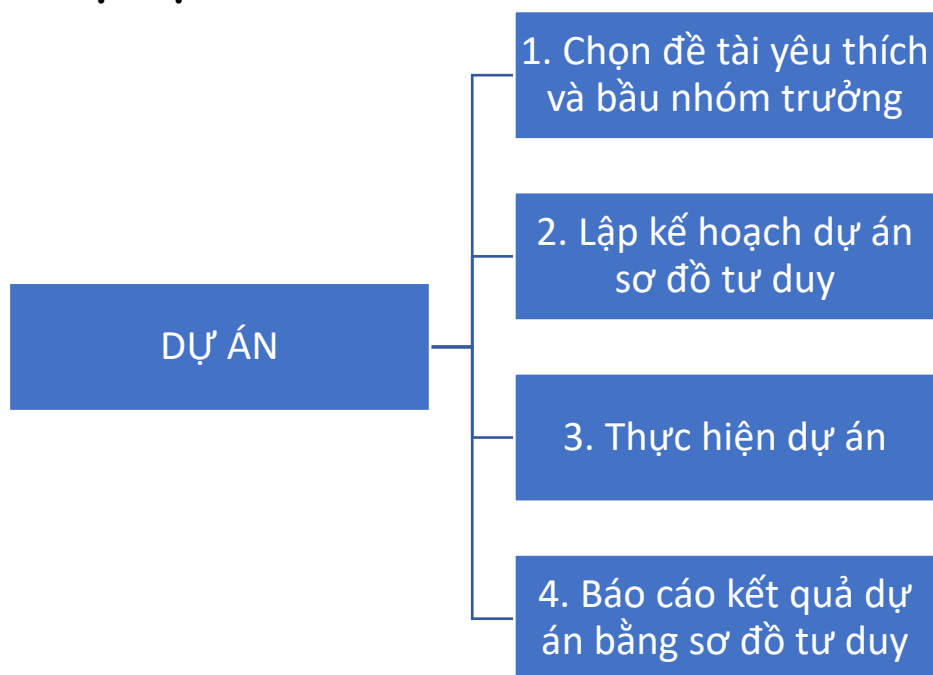
Bước 3: Thực hiện dự án

Bước 4: Báo cáo kết quả

2. Gợi ý dự án



❖ Các bước thực hiện



❖ Lập kế hoạch

❖ Tiêu chí đánh giá dự án

STT	Tiêu chí		Đánh giá mức			
1	Nội dung	Tóm tắt đầy đủ nội dung của vấn đề	A	B	C	D
		Các nhánh có sự liên kết, logic				
2	Hình thức	Ngắn gọn				
		Đẹp, khoa học, hấp dẫn				
3	Kĩ năng ứng dụng CNTT	Dùng phần mềm sơ đồ tư duy				
		Tạo được sản phẩm đúng thời gian				
		Có sự sáng tạo				

* Ghi chú: Các em học sinh ghi vào vở Tin học lý thuyết

PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1. Để ghi nhớ nhanh cuốn sách hàng trăm trang Thầy đã sử dụng ứng dụng nào?

A. Paint

B. Microsoft Word

C. Sơ đồ tư duy

D. Microsoft Excel

Câu 2. Để hoàn thành 1 dự án sơ đồ tư duy cần trải qua mấy bước:

- A. 1 bước**
- B. 2 bước**
- C. 3 bước**
- D. 4 bước**

Câu 3. Nhóm trưởng trong dự án cần có

- A. Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc**
- B. Thân thiện, công bằng, sẵn sàng giúp đỡ bạn bè.**
- C. Nhút nhát, hay tự ái**
- D. Câu A và B đều đúng**

Câu 4. Các tiêu chí đánh giá sản phẩm của 1 dự án:

- A. Hình thức**
- B. Nội dung**
- C. Kỹ thuật ứng dụng CNTT**
- D. Cả 3 đáp án**

*** Ghi chú: Các em học sinh ghi vào vở Tin học thực hành**

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

- 1. Cô Ý → zalo 0786771441**
- 2. Thầy Hiếu → zalo 0901486242**